

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày 25/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Ông Trần Đăng Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2020/TLST-DS ngày 07/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST – DS ngày 03/9/2020; Quyết định hoãn phiên toà số 95/2020/QĐST-DS ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Ngô Văn T, sinh năm 1974 Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Kim 3, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1961. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Phụng Khanh, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là ông Ngô Văn T trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1961, Địa chỉ: Phụng Khanh, Phụng Sơn, Lục Ngạn có quen biết với nhau do chồng bà Đức là nhân viên bảo vệ của trường ông (trường THPT Lục Ngạn số 3). Qua nhiều lần qua lại, bà Đức có đặt vấn đề hỏi vay tiền ông. Cụ thể:

Đợt 1: Vào ngày 13/10/2015, bà Đức có hỏi tôi vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), hai bên có viết giấy vay nợ nhưng không thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận bằng miệng với

nhau về lãi suất là 1,5%/1 tháng, và hạn trả là sau 01 năm (tức ngày 13/10/2016) bà Đức phải trả tôi số tiền đã vay và lãi suất theo thỏa thuận miệng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng, bà Đức vẫn trả lãi suất theo thỏa thuận tính đến tháng 4/2017, bà Đức không trả lãi nữa. Khi tôi cho bà Đức vay tiền chỉ có tôi và bà Đức biết, không có ai làm chứng.

Đợt 2: Vào ngày 20/6/2016, bà Đức lại đặt vấn đề hỏi vay tôi số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn), hạn ngày trả là ngày 13/12/2016 trả. Hai bên đã lập văn bản thỏa thuận lãi suất là 1,5%/ 1 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 13/12/2016 (âm lịch) bà Đức đã trả tôi số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 10/5/2018, bà Đức trả tôi 10.000.000 đồng tiền lãi. Khi tôi cho bà Đức vay tiền chỉ có tôi và bà Đức biết, không có ai làm chứng.

Tính đến nay, bà Đức còn nợ tôi số tiền gốc là 120.000.000 đồng và lãi phát sinh 34.800.000 đồng. Tổng cộng là 154.800.000 đồng.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả tôi số tiền gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn là bà Hoàng Thị Đ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Đức vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà ngày 18/9/2020, bà Đức vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà xét xử vào ngày 25/9/2020.

Tại phiên toà ngày 25/9/2020: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày thêm: Nguồn gốc số tiền cho bà Đức vay là tiền riêng ông Tú, không liên quan đến ai khác và chỉ yêu cầu bà Đức phải trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi phát sinh kể từ ngày bà Đức không trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử; Xử:

- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả cho ông Ngô Văn T số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng.

- + Về án phí: Bà Hoàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Ngô Văn T và bà Hoàng Thị Đ là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn. Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự, người tham gia tố tụng khác:

Bị đơn là bà Đức đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, pháp luật áp dụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch vay tài sản giữa các bên được xác lập vào ngày 20/3/2017 tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 13/10/2015 và giấy vay tiền ngày 13/12/2016 mà nguyên đơn cung cấp thì thấy: Có nội dung thể hiện việc bà Đức vay ông Tú tổng số tiền cho cả hai giấy vay nợ là 150.000.000 đồng; giấy vay nợ không ghi kỳ hạn trả và không ghi lãi suất, đối với giấy vay nợ ghi ngày 13/12/2016 mức lãi suất. Tại các giấy vay tiền đều có chữ ký “Hoàng Thị Đ” tại phần “Người vay”. Quá trình trả nợ, ông Tú trình bày bà Đức đã trả lãi đến 10/5/2018 nhưng không ghi cụ thể là bà Đức đã trả bao nhiêu tiền, ông Tú thừa nhận bà Đức đã trả 30 triệu tiền gốc. Hình thức và nội dung thỏa thuận tại Giấy vay tiền này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp quan điểm hay tài liệu gì thể hiện về việc bác bỏ hiệu lực của giấy vay tiền trên. Mặt khác, nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định, ông Tú và bà Đức có ký kết nội dung vay tiền theo giấy vay tiền ngày 13/10/2015 và ngày 13/12/2016, giao dịch vay tiền giữa ông Tú và bà Đức có đủ điều kiện có hiệu lực theo Điều 117 Bộ luật dân sự 2015.

Giao dịch vay tiền giữa các bên có hai lần giao dịch vay tiền nhau, lần 1 ngày 13/10/2015 là vay 100.000.000 đồng không có kỳ hạn và không có lãi, lần 2 ngày 13/12/2016 là vay có kỳ hạn và có lãi, bên vay phải thanh toán cho bên cho vay số tiền vay theo đúng hạn đã thỏa thuận. Theo giấy vay tiền ngày 3/10/2015 và giấy vay 13/12/2016 ông Tú đã nhiều lần yêu cầu bà Đức trả tiền

theo thỏa thuận nhưng đến nay bà Đức vẫn chưa trả hết cho ông Tú số tiền đã vay. Do đó, bà Đức đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông Phú theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu phần lãi, xét thấy việc rút yêu cầu phần lãi là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận và không xem xét phần lãi suất.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả ông Phú số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 105; Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Khoản 2 Điều 357; Điều 429; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả ông Ngô Văn T số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn).
3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị Đ phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về thời hạn kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang;
- VKS h. Lục Ngạn;
- CCTHA dân sự h. Lục Ngạn;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Khiết

